

PHIẾU BÀI MÔN TOÁN LỚP 2

Mã: 2203

Thời gian làm bài: 30 phút

Ngày.....tháng.....năm ...

Họ và tên:.....Lớp:.....

Nhận xét của giáo viên:.....

Ôn tập

Bài 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Các thành phần của phép tính cộng lần lượt là:

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| A. Số bị trừ, số trừ, hiệu | B. Số hạng, số hạng, tổng |
| C. Tổng, số hạng, số hạng | D. Số hạng, tổng, số hạng |

2. Tổng của 50 và 30 là

- | | | | |
|-------|-------|-------|------|
| A. 20 | B. 80 | C. 10 | D. 2 |
|-------|-------|-------|------|

3. Tổng của 35 và 2 là

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 55 | B. 37 | C. 73 | D. 33 |
|-------|-------|-------|-------|

4. Số liền sau của số 51 là;

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 49 | B. 15 | C. 50 | D. 52 |
|-------|-------|-------|-------|

5. Số chẵn lớn nhất nhỏ hơn 80 là:

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 78 | B. 79 | C. 81 | D. 82 |
|-------|-------|-------|-------|

6. Số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số là:

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 10 | B. 11 | C. 12 | D. 13 |
|-------|-------|-------|-------|

7. Số hạng thứ nhất là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số, số hạng thứ hai là số liền sau của 7. Tổng của hai số là:

- | | | | |
|-------|-------|-------|--------|
| A. 97 | B. 98 | C. 99 | D. 100 |
|-------|-------|-------|--------|

8. Trong phép tính $78 - 5 = 73$. Số 78 được gọi là:

- | | | | |
|--------------|-----------|---------|------------|
| A. Số bị trừ | B. Số trừ | C. Hiệu | D. Số hạng |
|--------------|-----------|---------|------------|

9. Khi số bị trừ bằng số trừ thì hiệu hai số bằng:

- | | | | |
|------|------------------|-----------|--------------|
| A. 0 | B. Chưa xác định | C. Số trừ | D. Số bị trừ |
|------|------------------|-----------|--------------|

10. Trong một phép trừ, số bị trừ bằng hiệu thì số trừ bằng:

- | | | | |
|------|---------|--------------|------------------|
| A. 0 | B. Hiệu | C. Số bị trừ | D. Chưa xác định |
|------|---------|--------------|------------------|

Bài 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào ô trống

$12 + 5 \quad \square \quad 15 + 2$

$16 - 5 \quad \square \quad 26 - 15$

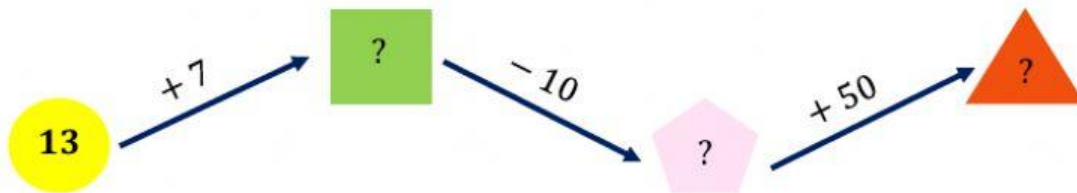
$37 + 10 \quad \square \quad 45 - 5$

$69 - 5 \quad \square \quad 31 + 35$

$22 + 6 \quad \square \quad 12 + 16$

$76 - 3 \quad \square \quad 30 + 40$

Bài 3. Số?



Bài 4. Trong lọ hoa có 10 bông hoa màu hồng và 7 bông hoa màu vàng. Hỏi lọ hoa có tất cả bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

$\square + \square = \square \quad (\text{bông})$

Đáp số: ... bông hoa

Bài 3. Số?

